

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày 14/4/2023

Vv: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba - tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Liêm – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 01/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-KDTM ngày 08/9/2022 giữa:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N2 (V2)

Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP N2

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1- Chức vụ: Phó Giám đốc N3- Chi nhánh P2 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, đường T, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

+ Bị đơn: Công ty TNHH C1 duyên,

Địa chỉ: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phùng Thị H -Chức vụ: Chủ tịch HĐQTV-Giám đốc công ty (có mặt)

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Phi L, sinh ngày 30/04/1972

Địa chỉ: Khu F, thị trấn T, huyện T, Phú Thọ. (vắng mặt)

2/ Bà Phùng Thị H, sinh ngày 01/01/1973.

Địa chỉ: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Văn N, sinh ngày 07/01/1964 và bà Nguyễn Thị H1, sinh ngày 25/7/1969. Đều có địa chỉ: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (ông N và bà H1 đều vắng mặt)

4/ Ông: Nguyễn Minh L1, sinh ngày 01/06/1944.

Địa chỉ: Khu I, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1:

4.1/ Anh Nguyễn Phi L, chị Nguyễn Thị Minh L2, bà Nguyễn Thị C (đồng thời là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án)

4.2/ Chị Đinh Thị Hoàng Thúy H2, sinh năm 1999

Địa chỉ cư trú: Ngõ C, ngách B, đường N, quận T, thành phố Hà Nội (vắng mặt)

4.3/ Anh Đinh Quý P, sinh năm 2006

Địa chỉ: Khu C, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Người giám hộ và đại diện theo pháp luật cho anh P: Ông Đinh Xuân V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu C, xã V, huyện Đ, Phú Thọ

(anh P và ông V đều vắng mặt)

5/ Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 10/3/1950.

Địa chỉ: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

6/ Ông Đinh Mạnh T2, sinh ngày 18/6/1950 và bà Nguyễn Thị N1, sinh ngày 11/01/1953. Đều có địa chỉ: Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Ông T2, bà N1 đều vắng mặt)

7/ Ông Trần Chí K, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Minh L2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền cho ông K: Bà Nguyễn Thị Minh L2 (Bà L2 có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho bà L2, ông K: Bà Đỗ Thị Hương G Luật sư Công ty L7 - Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số C, M, phường Y, quận C, TP ..

(Bà G vắng mặt)

8/ Ông Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1968 và bà Phùng Thị T4, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu D, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

09/ Ngân hàng H6.

Địa chỉ: số E, đường N, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L3 – Tổng giám đốc Ngân hàng H6

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q- Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Q1 – Ngân hàng TMCP H6

Người được ủy quyền lại:

- Ông Hoàng Mạnh L4 – Chức vụ: Chuyên viên cao cấp - phòng tố tụng Ngân hàng quản lý tín dụng – Ngân hàng TMCP H6

- Bà Nguyễn Thị V1 - Chức vụ: Trưởng nhóm tố tụng - phòng tố tụng Ngân hàng quản lý tín dụng – Ngân hàng TMCP H6

- Ông Nguyễn Trung H3 - Chuyên viên cao cấp - phòng tố tụng Ngân hàng quản lý tín dụng – Ngân hàng TMCP H6

Địa chỉ liên hệ: Tầng B, tòa nhà T, 54A, N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

(ông Hoàng Mạnh L4 có mặt)

10/ Công ty TNHH C2

Địa chỉ trụ sở: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đắc L5 – Giám đốc công ty (vắng mặt)

11/ Công ty TNHH C3
Địa chỉ: Khu E, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị T5 – Giám đốc công ty (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Quốc T1- trình bày:**

Trong các năm 2016, 2017, 2018, Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P2 ký kết các hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH C1 để công ty vay vốn của Ngân hàng P3 sản xuất, kinh doanh, cụ thể:

1. Ngày 25/11/2016, Công ty TNHH C1 đã ký Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 16/DN-ĐB/ĐTDA715 ngày 25/11/2016 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **3.000.000.000 VNĐ (ba tỷ đồng).**
- Thời gian vay vốn: 60 tháng
- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần
- Mục đích vay vốn: Dự án mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị.

2. Ngày 27/11/2017, Công ty TNHH C1 đã ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/THTL/840 ngày 27/11/2017 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **1.200.000.000 VNĐ (một tỷ hai trăm triệu đồng).**
- Thời gian vay vốn: 60 tháng
- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần
- Mục đích vay vốn: Đầu tư mua 01 Máy tách màu chè.

3. Ngày 11/04/2018, Công ty TNHH C1 đã ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/THTL/257 ngày 11/04/2018 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **615.000.000 VNĐ (sáu trăm mười lăm triệu đồng).**
- Thời gian vay vốn: 48 tháng
- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần
- Mục đích vay vốn: Đầu tư mua 01 xe ô tô tải có mui.

4. Ngày 06/11/2018, Công ty TNHH C1 đã ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18/DN-ĐB/NHHM704 ngày 06/11/2018 và các hợp đồng sửa đổi khác vay vốn tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ. Giá trị hạn mức được cấp là **25.000.000.000 VNĐ (hai mươi lăm tỷ đồng)**

- Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng
- Thời gian vay/khế ước là: tối đa 06 tháng/GNN
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

Tại 55 giấy nhận nợ (từ BL số 823 đến BL số 876 + BL 892), kể từ ngày đến ngày 25/11/2016 Công ty TNHH C1 (sau đây gọi tắt là Công ty C1) vay của Ngân hàng TMCP N2 tổng số tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng trên là 29.815.000.000đ

* Toàn bộ khoản vay của trên của công ty được bảo đảm bằng 15 Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán tính đến ngày 08/05/2020, tổng số nợ là: 27.940.398.571 VNĐ (Trong đó nợ gốc là 25.920.339.369 VNĐ, nợ lãi là 1.565.974.347 VNĐ và lãi phạt quá hạn là 454.084.855 VNĐ). Duy trì các hợp đồng thế chấp đã ký kết để đảm bảo thi hành án đối với toàn bộ khoản vay (gồm 15 hợp đồng thế chấp tài sản).

Ngày 26/6/2020, Ngân hàng và đại diện bị đơn, người có quyền lợi liên quan đã thực hiện các thủ tục giải chấp 02 Hợp đồng thế chấp tài sản để trả bớt một phần nợ gồm các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.05 ngày 08/3/2016 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 438057 do UBND huyện T cấp ngày 06/02/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Minh L1

- Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/704.13 ngày 06/11/2018 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 938054 do UBND huyện T cấp ngày 24/11/2017 mang tên ông Nguyễn Minh L1 và bà Nguyễn Thị C

Còn 13 Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng kèm theo để bảo đảm tiền vay theo hợp đồng gồm:

[1]. Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 085005 do UBND huyện T cấp ngày 27/05/2008 cho Bà Nguyễn Thị H1 tại: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.04 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Văn N và Bà Nguyễn Thị H1

[2]. Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 735861 do UBND huyện T cấp ngày 29/11/2010 cho Ông Nguyễn Minh L1 và Bà Nguyễn Thị C tại: Khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.05 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh L1 và Bà Nguyễn Thị C

[3]. Tài sản 3: Tài sản trên đất của Công ty TNHH C1 Đại Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 023211 do Ủy ban nhân dân Tỉnh P cấp ngày 04/06/2003 cho Công ty TNHH C1. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 00017 QSDĐ/. Bao gồm: Nhà văn phòng làm việc, Nhà kho, Nhà đấu trộn, Nhà kho thành phẩm theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/314 ký ngày 19/07/2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1

[4]. Tài sản 4: Tài sản trên đất của Công ty TNHH C1 tại tờ bản đồ số 12 +20, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Bao gồm: Nhà lò sấy, nhà hoàn thành phẩm, Nhà điều hành khu chế xuất và nhà vệ sinh, Nhà học héo, Nhà xưởng chế biến chè, Nhà máy phát điện. (theo giấy chứng nhận QSD đất số X 023398, BD 858539, AA 071993) theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.06 ký ngày 17/03/2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1

[5]. Tài sản 5: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/74 ký ngày 05 tháng 02 năm 2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1

[6]. Tài sản 6: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/83.03 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1

[7]. Tài sản 7: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 529956 do UBND huyện T cấp ngày 21/09/2015 cho bà Nguyễn Thị N1 tại Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/715.01 ký ngày 24/11/2016 giữa Ngân hàng và Ông Đinh Mạnh T2 và Bà Nguyễn Thị N1.

[8]. Tài sản 8: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 647013 do UBND huyện T cấp ngày 11/03/2011 cho Bà Nguyễn Thị C và Ông Nguyễn Minh L1 tại: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.07 ký ngày 24 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh L1 và Bà Nguyễn Thị C

[9]. Tài sản 9: Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty TNHH C1 chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 17/MMTB/712.17 ký ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1.

[10]. Tài sản 10: Máy tách màu chè theo Hợp đồng thế chấp số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1.

[11]. Tài sản 11: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 938055 do UBND huyện T cấp ngày 24/11/2017 cho ông Trần Chí K và bà Nguyễn Thị Minh L2 theo Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.14 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và ông Trần Chí K và Bà Nguyễn Thị Minh L2.

[12]. Tài sản 12: 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu SHACMAN, biển số **19C-132.73**, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027907** do Công an tỉnh P cấp ngày 09/04/2018 cho Công ty TNHH C1 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 18/PTVT/257 ký ngày 11/04/2018 Ngân hàng và Công ty TNHH C1.

[13]. Tài sản 13: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 825860 do UBND Huyện T cấp ngày 08/04/2016 cho Bà Phùng Thị H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 19/BDS/704.03 ký ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phi L và Bà Phùng Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng và công ty TNHH C1 cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các thủ tục cho ông Nguyễn Phi L và bà Phùng Thị H chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 219, tờ bản đồ số 20 diện tích 268m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 825860 do UBND Huyện T cấp ngày 08/04/2016 cho Bà Phùng Thị H để rút tài sản thế chấp của họ

gia đình ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho gia đình ông N, bà H1 (rút tài sản thế chấp tại mục [01] (tài sản số A) và số [13] (tài sản số A).

Tại phiên toà đại diện Ngân hàng TMCP N2 đề nghị Toà án buộc Công ty TNHH C1 phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/4/2023) là: 26.964.802.229đ; Trong đó nợ gốc = 16.520.339.369đ; Nợ lãi cộng dồn = 6.801.585.309đ; Lãi quá hạn = 3.009.185.555đ; Lãi quá hạn lãi = 633.691.996đ

- Buộc Công ty TNHH C1 phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh (kể cả lãi phạt chậm thi hành án theo lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thi hành xong bản án, thu hồi nợ gốc và lãi).

- Duy trì 11 hợp đồng thế chấp còn lại (từ tài sản 02 đến tài sản số A) và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo của các hợp đồng thế chấp gồm 11 loại tài sản nêu trên để đảm bảo thi hành án.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp tại các mục[1], [3] (Tài sản 01; tài sản số 13) và 02 hợp đồng thế chấp tài sản gồm Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.09 ngày 28/4/2016 và Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.13 ngày 06/11/2018 đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C do các bên đã tự thỏa thuận giải quyết về các tài sản này.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phùng Thị H đại diện theo pháp luật cho bị đơn Công ty TNHH C1 trình bày:**

Bà xác nhận công ty TNHH C1 (sau đây gọi tắt là công ty C1) đã vay vốn của Ngân hàng TMCP N2 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V2), hiện có nợ tiền gốc và lãi của Ngân hàng và thừa nhận những tài sản bảo đảm như đại diện Ngân hàng TMCP N2 đã trình bày tại phiên tòa là đúng.

Do công ty đang khó khăn trong sản xuất kinh doanh vì vậy dẫn đến khoản nợ gốc và lãi đến hạn chưa trả được. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ để công ty có điều kiện phục hồi sản xuất, đồng thời tạo điều kiện cho các cá nhân thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay công ty được bán tài sản để giải chấp từng phần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Ngân hàng cho công ty được tìm đối tác mua lại tài sản thế chấp.

Đối với Hợp đồng thế chấp số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty C1, tài sản thế chấp là máy tách màu chè (mục [10] – tài sản số A): bà H có quan điểm không nhất trí quan điểm của Ngân hàng đề nghị duy trì hợp đồng thế chấp này để đảm bảo thi hành án do tại thời điểm năm 2020, giữa công ty của bà và Ngân hàng đã có thỏa thuận công ty nộp số tiền 400.000.000đ để trả một phần nợ, Ngân hàng sẽ làm các thủ tục giải chấp đối với tài sản này. Mặc dù tại thời điểm đó giữa các thành viên của công ty chưa có văn bản thể hiện sự thống nhất đề nghị ngân hàng cho giải chấp tài sản, tuy nhiên công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp số tiền như cam kết. Hiện nay các thành viên của công ty không có ý kiến gì về việc đề nghị giải chấp tài sản trên, đề nghị HĐXX xem xét.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H1 thống nhất trình bày:**

Thời điểm năm 2011, ông L1 là giám đốc Công ty TNHH C1, anh L và chị H có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông để ông L1 làm thủ tục bảo đảm vay tiền tại ngân hàng, thời hạn mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3 năm. Năm 2021, gia đình ông bà đã được ngân hàng và công ty rút phần tài sản thế chấp để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông bà. Hiện tài sản của ông bà không liên quan gì đến việc vay vốn của công ty.

*** Quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh L1 và bà Nguyễn Thị C trình bày (BL 569):**

Ông thừa nhận hiện nay còn 02 tài sản bảo đảm khoản vay như Ngân hàng và chị H trình bày, các tài sản đó hiện nay vẫn được thế chấp tại Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh P2. Ông bà đề nghị Ngân hàng giãn nợ điều kiện cho công ty được trả nợ. Nếu phải bán tài sản để trả nợ ông bà xin được ưu tiên mua lại tài sản thế chấp; đề nghị Ngân hàng không tính lãi phạt đối với khoản vay.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 07/3/2023, bà Nguyễn Thị Minh L2 và ông Trần Chí K trình bày:**

Ông K và bà L2 đều thừa nhận đã ký hợp đồng thế chấp đối với tài sản chung của gia đình ông bà để đảm bảo cho công ty TNHH C1 vay vốn của Ngân hàng TMCP N2. Đề nghị Tòa án giải quyết để buộc Công ty TNHH C1 trả nợ cho Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh P2 để giải chấp các tài sản cá nhân gia đình bà. Ông K và bà L2 không nhất trí bán tài sản của gia đình ông bà để trả nợ cho công ty C1.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L2 đề nghị, bà H là giám đốc công ty đã tự ý giải chấp máy tách chè mà không được sự đồng ý của các cổ đông nên đề nghị xem xét xử lý về hình sự. Tại phiên tòa, bà có quan điểm không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết về nội dung này và không có ý kiến gì về việc bà H đã thực hiện việc bán tài sản.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 07/3/2023, ông Nguyễn Phi L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1) trình bày:**

Ông L và bà H (là vợ chồng) có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất (không bao gồm tài sản trên đất) đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh P2. Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình ông đã thỏa thuận với Ngân hàng V2 cho gia đình ông thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất tài sản đã thế chấp để trả một phần nợ của công ty C1 và rút tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H1 tại Ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp của ông Nguyễn Minh L1 (là bố đẻ của ông): Ông không nắm bắt được việc thế chấp tài sản cũng như quan điểm trình bày của ông L1 tại Tòa án. Ông đề nghị Tòa án xem xét giám định chữ ký tại bản tự khai của ông L1 tại Tòa án.

Đối với tài sản thế chấp là máy tách màu chè, khi bà H thảo luận việc bán máy tách màu chè với Ngân hàng, các thành viên của công ty đều không nhất trí. Hiện nay các thành viên khác của công ty C1 đã chuyển cổ phần cho ông, ông xác

định bà H giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT – Giám đốc công ty có quyền bán máy tách chè, ông không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận ngày 07/3/2023, ông L có quan điểm đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình ông thỏa thuận bán một phần tài sản trả nợ cho Ngân hàng. Ông không đề nghị Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của ông L1 nữa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N1 trình bày [BL 687, 688]:**

Bà N1 và ông T2 có quyền sử dụng đất riêng theo giấy chứng nhận số CA 529956 tại khu B, xã H, huyện T. Công ty TNHH C1 mượn tài sản để bảo đảm khoản vay cho Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh P2 hiện nay Công ty G1 đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để Công ty trả nợ và tách riêng khoản nợ bảo đảm theo giấy chứng nhận của bà để trả lãi riêng.

*** Bà Phùng Thị T4 (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng T3) trình bày:**

Năm 2019, bà và ông Nguyễn Hồng T3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 219, tờ bản đồ số 20 diện tích sử dụng 268m² tại khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 27/6/2019). Cũng trong năm 2019, bà và ông T3 đã thế chấp tài sản trên để vay vốn tại Ngân hàng H6. Khi thế chấp tài sản, toàn bộ tài sản trên đất chính là tài sản ông bà nhận tại thời điểm chuyển nhượng do bà H và ông L đã xây dựng trước đó. Cả bà và ông T3 cùng ngân hàng H6 không nắm được phần diện tích xây dựng nhà xưởng có xây sang phần đất của công ty TNHH C1.

Nay Ngân hàng khởi kiện công ty C1 có liên quan đến tài sản thế chấp trong đó có phần tài sản của bà xây trên đất, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật

*** Ông Nguyễn Tùng L6 – Người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng H6 (sau đây viết tắt là M) trình bày:**

Do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký với MSB nên khoản vay của bà Phùng Thị T4 đã chuyển nợ quá hạn theo thỏa thuận đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng. Qua nhiều lần làm việc, MSB đã tạo điều kiện trả nợ nhưng bà Phùng Thị T4 và ông Nguyễn Hồng T3 đã tự nguyện bàn giao tài sản của M để xử lý, thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 20 tại khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 268m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 692455, vào sổ cấp GCN CH002662 do UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 27/6/2019 đứng tên bà Phùng Thị T4 và ông Nguyễn Hồng T3.

Hiện tại, MSB đang tiến hành bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến công trình xây dựng trên đất đứng tên bà Phùng Thị T4 và ông Nguyễn Hồng T3 có xây dựng chồng lấn sang thửa đất thuộc quyền sử dụng của công ty TNHH C1, MSB có ý kiến:

- Đề nghị Tòa án xác định cụ thể diện tích bị chồng lấn, vị trí, ranh giới chồng lấn để thuận lợi cho quá trình thi hành án sau này.

- Công trình xây dựng trên đất đứng tên bà Phùng Thị T4 và ông Nguyễn Hồng T3 được xây kết cấu bê tông cốt thép kiên cố, nếu phá vỡ sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu của công trình nên đề nghị Tòa án cho các bên giữ nguyên hiện trạng để tiếp tục đàm phán khi thi hành án.

Tại phiên tòa, ông L6 đại diện theo ủy quyền của M trình bày bổ sung: hiện tại, MSB đang tiến hành bán đấu giá tài sản trên theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất 268m² theo sơ đồ đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đối với tài sản trên đất sẽ xử lý tài sản bảo đảm trên phần diện tích đất được cấp trên. Đối với phần tài sản là công trình xây dựng trên phần đất của công ty C1, Ngân hàng M sẽ đảm bảo không tranh chấp và không bán đấu giá đối với phần tài sản này.

*** Chị Đinh Thị Hoàng Thúy H4 và ông Đinh Xuân V (người đại diện theo pháp luật và là người giám hộ cho cháu Đinh Xuân P1) (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1) thống nhất trình bày:**

Cháu H4 và cháu P1 là cháu ngoại của ông Nguyễn Minh L1. Mẹ của cháu là bà Nguyễn Thị Thanh H5 đã chết. Đối với tài sản của ông L1 (là di sản thừa kế) có liên quan đến tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP N2, cháu H4 và ông V đều có quan điểm đồng thuận theo ý kiến của ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1972, địa chỉ: khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Minh L1 và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

Ông Nguyễn Đắc L5 – Giám đốc công ty TNHH C2 trình bày:

Ngày 19/6/2020, công ty TNHH C2 có mua của Công ty TNHH C1 (công ty C1) 01 máy tách màu chè. Tài sản này khi mua bán, công ty C1 có thông báo với công ty C2 là đã thanh toán tiền nộp ngân hàng xong và rút xóa thế chấp để bán cho công ty tôi. Tài sản mua bán là hợp pháp và không quy định là phải đăng ký quyền sở hữu hoặc các thủ tục pháp lý nào khác. Khi mua bán Công ty C1 có xuất hóa đơn cho công ty C2 đúng quy định, công ty C2 đã thanh toán tiền mua máy tách màu chè trên đúng theo hợp đồng.

Sau khi mua tài sản, Công ty TNHH C2 đã bán tài sản trên cho Công ty TNHH C3 (địa chỉ trụ sở: Khu E, xã T, huyện Đ, Phú Thọ). Toàn bộ sự việc mua bán trên đều có hợp đồng mua bán tài sản và có hóa đơn chứng từ đúng quy định của pháp luật. Công ty C2 đã nhận đủ tiền bán tài sản từ Công ty TNHH C3.

Tài sản máy tách màu chè là thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, không phải là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu. Công ty TNHH C2 cũng như công ty TNHH C3 không biết việc tài sản trên đã thế chấp vay vốn ngân hàng hay không.

Từ những thông tin trên, Công ty C2 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết vụ việc trên cơ sở quy định của Pháp luật.

Công ty C2 không nhất trí quan điểm của Ngân hàng TMCP N2 đề nghị duy trì hợp đồng thế chấp đối với tài sản là máy tách màu chè trên được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty TNHH C1 vì tài sản trên công ty tôi mua hợp pháp, không có quy định thuộc trường hợp bị cấm, công ty C2 đã bán lại cho Công ty C3. Việc mua bán đã hoàn thành và tài sản đã được bàn giao cho công ty C3 ngay sau khi mua bán.

Bà Dương Thị T5 - Giám đốc Công ty TNHH C3 trình bày:

Ngày 20/6/2020, công ty TNHH C3 có mua của Công ty TNHH C2 01 máy tách màu chè. Trước khi hai bên thảo luận việc mua bán tài sản, công ty TNHH C2 có chứng minh cho công ty TNHH C3 về nguồn gốc tài sản, cụ thể là hóa đơn mua hàng của công ty TNHH C2 đối với máy móc trên. Vì vậy, công ty TNHH C3 xác định tài sản mà công ty TNHH C2 chào hàng bán là hợp pháp và tài sản này pháp luật không quy định là phải đăng ký quyền sở hữu hoặc các thủ tục pháp lý nào khác. Khi công ty TNHH C3 ký hợp đồng mua bán máy tách màu chè, thanh toán xong tiền theo hợp đồng đã thỏa thuận, Công ty TNHH C2 đã bàn giao tài sản (là máy tách màu chè) và xuất hóa đơn cho công ty TNHH C3 đúng thỏa thuận.

Sau khi mua tài sản, Công ty TNHH C3 đã sử dụng tài sản ổn định để sản xuất kinh doanh, giữa hai bên không có tranh chấp gì về tài sản cũng như các nội dung nào khác liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản.

Tài sản máy tách màu chè là thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, không phải là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu. Công ty TNHH C3 không biết việc tài sản trên đã thế chấp vay vốn ngân hàng hay không.

Công ty TNHH C3 không nhất trí quan điểm của Ngân hàng TMCP N2 đề nghị duy trì hợp đồng thế chấp đối với tài sản là máy tách màu chè trên được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty TNHH C1 vì tài sản trên công ty TNHH C3 mua hợp pháp, không thuộc trường hợp bị cấm, khi mua bán cũng không có thông tin nào về việc cấm chuyển dịch, mua bán đối với tài sản trên. Thủ tục pháp lý khi mua bán tài sản giữa công ty TNHH C1 và công ty

Tại phiên tòa ngày 07/3/2023, Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông K, bà L2 (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) – bà Đỗ Thị Hương G trình bày:

Việc bà L2, ông K đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở với Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P2 để đảm bảo cho các khoản vay của công ty C1. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 191,3m² tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Chí K và bà Nguyễn Thị Minh L2) là đúng.

Đề nghị Ngân hàng xem xét cho công ty C1 được giãn thời gian trả nợ để công ty kinh doanh trả nợ dần, trả lại tài sản thế chấp cho ông K và bà L2.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về trình tự tố tụng và quan điểm về nội dung giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật.

Ngày 07/9/2021, bà Nguyễn Thị Hoài Thu đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ yêu cầu độc lập số 01/2021/KDTM ngày 07/9/2021 là chưa phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sau khi Tòa án ban hành quyết định đình chỉ yêu cầu độc lập, các đương sự không kháng cáo, khiếu nại nội dung nào, vì vậy Tòa án cần rút kinh nghiệm về trình tự tố tụng trên.

* Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền nợ như bản kê xác nhận số dư khoản vay đã xuất trình tại Tòa án với số tiền là: 26.964.802.229đ; Trong đó nợ gốc = 16.520.339.369đ; Nợ lãi cộng dồn = 6.801.585.309đ; Lãi quá hạn = 3.009.185.555đ; Lãi quá hạn lãi = 633.691.996đ.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018, tài sản thế chấp là máy tách màu chè.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với 04 hợp đồng thế chấp do Ngân hàng TMCP N2 rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Duy trì 10 hợp đồng thế chấp tài sản còn lại các bên đã ký kết để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH C1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Công ty TNHH C1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng TMCP N2 khởi kiện Công ty TNHH C1 và xuất khẩu chè Đại Đồng yêu cầu trả nợ khoản vay theo hợp đồng tín dụng là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty C1 có trụ sở tại khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh L1 chết, hàng thừa kế thứ nhất là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1 gồm: Bà Nguyễn Thị C (là vợ ông L1), chị Nguyễn Thị Minh L2 (con gái), anh Nguyễn Phi L (con trai) (bà C, chị L2, anh L đều đang tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), chị Đinh Thị Hoàng Thúy H4, anh Đinh Xuân P1 (ông Đinh Xuân V là người đại diện theo pháp luật và giám hộ cho anh P1) là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị C, ông Đinh Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt (không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) không phải là lý do bất khả kháng; Chị Đinh Thị Hoàng Thúy H4, ông Đinh Xuân V; ngày 29/3/2023 bà Đỗ Thị Hương G (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K, bà L2) vắng mặt; bà Phùng Thị T4, ông Nguyễn Văn T6 (do bà T6 đại diện theo ủy quyền), ông Nguyễn Đắc L5, bà Dương Thị T5 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; HĐXX căn cứ Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

- Về áp dụng pháp luật: Các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết khi Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực và có hợp đồng được ký kết khi Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực. Do các quy định về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa hai bộ luật dân sự không khác nhau nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Căn cứ đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, căn cứ biên bản hòa giải và các lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự với các nội dung sau:

* Ngày 06/11/2018, Công ty TNHH C1 đã ký hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18/DN-ĐB/NHHM704 ngày 06/11/2018 và các hợp đồng sửa đổi khác vay vốn tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ:

- Giá trị hạn mức được cấp là **25.000.000.000 VNĐ (hai mươi lăm tỷ đồng)**

- Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng

- Thời gian vay/khế ước là: tối đa 06 tháng/GNN

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

* Ngày 25/11/2016, Công ty TNHH C1 đã ký Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 16/DN-ĐB/ĐTDA715 ngày 25/11/2016 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **3.000.000.000 VNĐ (ba tỷ đồng).**

- Thời gian vay vốn: 60 tháng

- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần

- Mục đích vay vốn: Dự án mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị.

* Ngày 27/11/2017, Công ty TNHH C1 đã ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/THTL/840 ngày 27/11/2017 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **1.200.000.000 VNĐ (một tỷ hai trăm triệu đồng).**

- Thời gian vay vốn: 60 tháng

- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần

- Mục đích vay vốn: Đầu tư mua 01 Máy tách màu chè.

* Ngày 11/04/2018, Công ty TNHH C1 đã ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/THTL/257 ngày 11/04/2018 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **615.000.000 VNĐ (sáu trăm mười lăm triệu đồng).**

- Thời gian vay vốn: 48 tháng

- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần

- Mục đích vay vốn: Đầu tư mua 01 xe ô tô tải có mui.

* Toàn bộ khoản vay của bị đơn được bảo đảm bằng 15 loại tài sản theo các Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty C1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Tính đến ngày 08/05/2020 tổng số nợ là: 27.940.398.571 VNĐ (Trong đó nợ gốc là 25.920.339.369 VNĐ, nợ lãi là 1.565.974.347 VNĐ và lãi phạt quá hạn là 454.084.855 VNĐ).

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH C1 và Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ đã giải chấp 04 loại tài sản và đã trả cho Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ một phần nợ gốc.

Tính đến ngày xét xử ngày 14/4/2023, Công ty TNHH C1 còn nợ Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ số tiền là: 26.964.802.229đ; Trong đó nợ gốc = 16.520.339.369đ; Nợ lãi cộng dồn = 6.801.585.309đ; Lãi quá hạn = 3.009.185.555đ; Lãi quá hạn lãi = 633.691.996đ.

Tại phiên tòa các số liệu trên được đại diện của bên nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên cũng là chứng cứ không phải chứng minh.

[2.3]. Đối với Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay:

Các Hợp đồng cho vay đều có tài sản bảo đảm tiền vay, chủ sở hữu và sử dụng tài sản đều được tham gia ký hợp đồng bảo đảm đối với bên ngân hàng, đến thời điểm hiện tại không có khiếu nại về quyền nghĩa vụ đối với các tài sản bảo đảm nên xác định: Các hợp đồng hạn mức, hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng kèm theo được Công ty TNHH C1 với Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ và các chủ sở hữu và sử dụng tài sản là đúng pháp luật.

[2.4] Đối với quan điểm xin tách các tài sản thế chấp cho một khoản nợ cụ thể, riêng biệt và trả lãi riêng của bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị C:

Căn cứ các hợp đồng thế chấp do các bên ký kết thì các tài sản đều bảo đảm cho khoản nợ chung của bị đơn Công ty TNHH C1. Việc đồng ý cho tách các khoản nợ hay không thuộc thẩm quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2. Tại thời điểm xét xử, phía nguyên đơn không đồng ý tách các tài sản thế chấp và các khoản nợ riêng biệt do vậy, Tòa án không có quyền can thiệp vào hợp đồng. Các đương sự có quyền thỏa thuận trong thời gian tiếp theo và quá trình thi hành án dân sự.

[2.5]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của nguyên đơn. Qua thẩm định xác định:

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản (tài sản 5 và 6): Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/74 ký ngày 05 tháng 02 năm 2016 và Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/83.03 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 thì tổng số có 03 máy vò kết cấu gang (*máy vò gang kiểu Liên Xô*) nhưng trên thực tế chỉ có 02 chiếc máy vò kết cấu gang. Nguyên đơn và bị đơn xác nhận số liệu chính xác là 02 chiếc.

[2.6] Quá trình quản lý tài sản (tài sản 6): Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/74 ký ngày 05 tháng 02 năm 2016. Theo trình bày của bị đơn ngày 29/8/2020 đã bị mất trộm 02 bộ điều khiển tự động máy vò. Hiện cơ quan điều tra Công an huyện T đang điều tra làm rõ. Nếu xác định được người chiếm đoạt thì các bên có quyền thỏa thuận bồi thường hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết theo thủ tục chung.

[2.7] Đối với tài sản thế chấp (tài sản số A) là 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu SHACMAN, biển số **19C-132.73**, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027907** do Công an tỉnh P cấp ngày 09/04/2018 cho Công ty TNHH C1 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 18/PTVT/257 ký ngày 11/04/2018 Ngân hàng và Công ty TNHH C1. Hiện chiếc xe do Công ty TNHH

C1 nhưng thực tế ông Nguyễn Phi L sử dụng, khi án có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thì sẽ được xử lý ở giai đoạn thi hành án.

[2.8]. Đối với tài sản thế chấp (tài sản số A) là máy tách màu chè theo Hợp đồng thế chấp số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1, tại phiên tòa Ngân hàng có đề nghị HĐXX xem xét duy trì hợp đồng thế chấp tài sản trên để đảm bảo thi hành án. Công ty C1 có quan điểm tài sản trên ngân hàng đã đồng ý cho Công ty được bán để trả nợ cho ngân hàng, thực tế công ty đã làm thủ tục đã nộp tiền vào ngân hàng và bán tài sản, hiện nay các thành viên của công ty không có ý kiến gì về việc giải chấp tài sản, vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp của Ngân hàng.

Xét thấy: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ngày 04/6/2020, Ngân hàng và công ty C1 có thỏa thuận bằng 01 biên bản làm việc ngày 04/6/2020 với nội dung ngân hàng đồng ý cho công ty C1 Đại Đồng nộp vào khoản tiền 400.000.000đ và Ngân hàng sẽ thực hiện thủ tục giải chấp đối với tài sản trên. Sau khi được sự đồng ý của Ngân hàng, Công ty C1 đã thực hiện nộp tiền trả vào khoản tiền vay, tiền lãi của VCB với số tiền 400.000.000đ đồng như đã thỏa thuận và bán tài sản. Tại phiên tòa, Ngân hàng cũng thừa nhận các bên có thỏa thuận cho công ty C1 nộp tiền để giải chấp tài sản, tuy nhiên quá trình làm thủ tục giải chấp tài sản gặp khó khăn do các thành viên của công ty không đồng ý ký biên bản giải chấp tài sản. Bà Nguyễn Thị Minh L2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH C1 có đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra. Công ty có nộp khoản tiền 400.000.000đ để trả nợ cho ngân hàng nhưng thời hạn nộp tiền muộn hơn so với thỏa thuận (tại biên bản hai bên thỏa thuận Công ty phải có nghĩa vụ nộp tiền chậm nhất ngày 11/6/2020 nhưng ngày 19/6/2020 công ty mới nộp tiền). Có thể thấy, việc Công ty C1 trước khi thực hiện việc bán tài sản đã có thông tin với Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý điều kiện nộp tiền để giải chấp đối với tài sản trên. Thực tế, công ty C4 đã nộp tiền cho ngân hàng để thanh toán khoản nợ như nội dung thỏa thuận ngày 04/6/2020. Mặc dù công ty C1 đã nộp số tiền chậm so với thời hạn theo thỏa thuận nhưng Ngân hàng cũng không có văn bản nào thể hiện việc Công ty nộp tiền chậm nên không đồng ý giải chấp tài sản và việc thu khoản nợ mà công ty đã nộp để trả cho các khoản nợ khác. Ngân hàng cũng không đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn kịp thời nào liên quan đến chuyển dịch, chuyển nhượng tài sản. Thực tế Ngân hàng đã nhận thu số tiền 400.000.000đ với lý do Công ty C1 nộp tiền máy tách màu chè. Ngân hàng cho rằng lý do ngân hàng chưa làm thủ tục giải chấp vì các thành viên của công ty chưa có văn bản thỏa thuận về việc đồng ý bán tài sản là chưa phù hợp bởi lẽ, tại điều 18 Điều lệ hoạt động công ty TNHH C1 chè xuất khẩu Đại Đồng quy định: *“trường hợp bán thanh lý tài sản của công ty có giá trị hàng hóa bằng hoặc lớn hơn 40% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được số phiếu đại diện cho ít nhất 75% số vốn của các thành viên dự họp chấp thuận”*. Đối máy tách màu chè, bà H và thành viên của công ty xác định có giá trị nhỏ hơn 40% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty. Tại phiên tòa ngày 07/3/2023, bà L2 trình bày và xác định bà không đề nghị giải quyết nội dung tố cáo. Ông L cũng không có ý kiến gì về việc công ty thực hiện việc chuyển nhượng tài sản, ông L xác định bà

H có đủ thẩm quyền thực hiện thủ tục giải chấp tài sản. Vì vậy Ngân hàng không nhất trí giải chấp tài sản thế chấp máy tách chè và đề HĐXX duy trì hợp đồng thế chấp với lý do Công ty nộp tiền muộn so với thời hạn thỏa thuận, biên bản thỏa thuận không phù hợp, các thành viên của công ty gây khó khăn, không hợp tác trong việc giải chấp là không phù hợp.

Hơn nữa, công ty TNHH C3 là đơn vị mua máy tách màu chè thông qua giao dịch hợp đồng với Công ty C2 là giao dịch của người thứ ba ngay tình. Căn cứ Điều 133 Bộ luật dân sự, hợp đồng mua bán tài sản giữa công ty TNHH C2 và Công ty TNHH C3 không vô hiệu.

Xét không chấp nhận yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1. Ngân hàng N2 có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục giải chấp đối với tài sản trên.

Việc bà Phùng Thị H khi thực hiện giao dịch bán tài sản trên, nếu có làm thất thoát tài sản góp vốn của các thành viên hay không, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này. Các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.9]. Đối với các tài sản thế chấp:

- (tài sản số 13) là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 825860 do UBND huyện T cấp ngày 08/04/2016 cho Bà Phùng Thị H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 19/BDS/704.03 ký ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phi L và Bà Phùng Thị H.

- (tài sản số 01) là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 085005 do UBND huyện T cấp ngày 27/05/2008 cho Bà Nguyễn Thị H1 tại: Khu F, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.04 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Văn N và Bà Nguyễn Thị H1

- Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.09 ngày 28/4/2016 (Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 438057 do UBND huyện T cấp ngày 06/02/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Minh L1)

- Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.13 ngày 06/11/2018 đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C (Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 938054 do UBND huyện T cấp ngày 24/11/2017 mang tên hộ ông Nguyễn Minh L1)

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đã thực hiện giải chấp 04 tài sản trên để bị đơn thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền tài sản và thanh toán một phần nghĩa vụ nợ với ngân hàng. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu duy trì 04 hợp đồng thế chấp trên. Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp.

Các Hợp đồng thế chấp (Tài sản 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12): các bên tự nguyện ký kết hợp đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty C1,

nội dung và hình thức đúng pháp luật, vì vậy duy trì hợp đồng để bảo đảm cho việc thi hành án là phù hợp pháp luật.

[2.10]. Bà Phùng Thị H cho rằng hiện nay bà Phùng Thị T4 và ông Nguyễn Văn T6 đang có tài sản là một phần nhà xây trên đất của công ty C1, tài sản của bà T6 và ông T6 hiện đang thế chấp tại Ngân hàng H6. Qua xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy:

Bà Phùng Thị T4 và ông Nguyễn Hồng T3 có thửa đất 219, tờ bản đồ số 20 tại khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích 268m². Trên đất có 01 nhà xây được xây dựng nối liền lẫn sang phần đất thuộc quyền sử dụng của Công ty C1 với diện tích xây dựng chồng lấn là 63,9m². Thửa đất này là tài sản trước đây đã thế chấp tại Ngân hàng N2 sau đó các bên thực hiện thủ tục giải chấp để bà H, ông L chuyển nhượng cho ông T3, bà T3. Hiện Tài sản này ông T3, bà T3 đang thế chấp tại Ngân hàng H6. Các bên đều thừa nhận tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn, chủ sử dụng đều không có tranh chấp. Căn cứ Khoản 2 Điều 325, Khoản 2 Điều 326 Bộ luật dân sự, các bên có quyền thế chấp tài sản trên đất hoặc quyền sử dụng đất. Vì vậy việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất hoặc tài sản trên đất sẽ được thực hiện trong giai đoạn thi hành án dân sự.

[2.11]. Xét yêu cầu của bị đơn và ông L, bà H, ông K, bà L2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, bà L2 nêu ra các điều kiện hoàn cảnh khó khăn, kinh doanh của công ty C1 không được thuận lợi, đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện gia hạn nợ: yêu cầu này của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được nguyên đơn chấp nhận. Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật. Các hợp đồng cho vay hạn mức, hợp đồng cho vay từng lần trung, dài hạn, hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư đều đã đến thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vi phạm thực hiện nghĩa vụ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã có thỏa thuận lại về việc đồng ý cho bị đơn cam kết trả nợ và giải chấp tài sản theo từng lộ trình nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng cam kết. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu gia hạn, giãn nợ của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vì vậy cần buộc bị đơn là Công ty C1 phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ.

[2.12]. Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hoài T7

Ngày 07/9/2021, bà Nguyễn Thị Hoài Thu T7 đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ yêu cầu độc lập số 01/2021/KDTM ngày 07/9/2021, các đương sự đều không có ý kiến gì, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, Công ty C1 (do Bà Phùng Thị H đại diện theo pháp luật) có nghĩa vụ phải chịu 51.000.000đ (Năm mươi một triệu đồng chẵn) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ các tài sản thế chấp (trong đó bao gồm cả chi phí đo đạc các tài sản thế chấp là các diện tích đất bằng máy móc chuyên dụng). Do Ngân hàng TMCP N2 đã tạm ứng toàn bộ chi phí trên, vì vậy, công ty C1 phải có nghĩa vụ

trả cho Ngân hàng số tiền chi phí tố tụng là phù hợp. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản của ông Nguyễn Văn T6 và bà Phùng Thị T4, công ty C1 tự nguyện chi trả, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán nợ được chấp nhận, Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Điều luật áp dụng:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 74; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Khoản 1, Đ b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 274; Khoản 1 Điều 275; 320, 323, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Điểm b Khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2]. Xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N2 (VCB) về việc yêu cầu Công ty TNHH C1 phải có nghĩa vụ trả nợ các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18/DN-ĐB/NHHM704 ngày 06/11/2018 và các hợp đồng sửa đổi khác vay vốn tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ

Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 16/DN-ĐB/ĐTDA715 ngày 25/11/2016 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/THTL/840 ngày 27/11/2017 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/THTL/257 ngày 11/04/2018 tại Ngân hàng TMCP N2 – CN Phú Thọ.

[2.2]. Buộc Công ty TNHH C1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N2 số tiền: 26.964.802.229đ; (Hai mươi sáu tỷ chín trăm sáu mươi từ triệu tám trăm linh hai nghìn hai trăm hai mươi chín đồng chẵn). Trong đó nợ gốc = 16.520.339.369đ (Mười sáu tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng chẵn); Nợ lãi trong hạn cộng dồn = 6.801.585.309đ (sáu tỷ tám trăm linh một triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm linh chín đồng chẵn); Lãi quá hạn cộng dồn = 3.009.185.555đ (Ba tỷ không trăm linh chín triệu một trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng chẵn); Lãi quá hạn lãi = 633.691.996đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng chẵn).

[2.3]. Kể từ ngày tiếp theo ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH C1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho bên vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất bên cho vay.

[2.4]. Duy trì các hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm thi hành án tại các mục [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [11], [12] (phần nội dung vụ án) gồm:

[2.4.1]. Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.05 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 ngày 07/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 - chi nhánh P2 và Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Minh L1 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1 gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Minh L2, ông Nguyễn Phi L, cháu Đinh Thị Hoàng Thúy H4, cháu Đinh Quý P – do ông Đinh Xuân V đại diện theo pháp luật); tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (thửa đất số 180, tờ bản đồ số 20, diện tích 280m², địa chỉ thửa đất tại khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC 735861** do UBND huyện T cấp ngày 29/11/2010 mang tên ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C.

[2.4.2]. Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/314 ký ngày 19/07/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06 ngày 07/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P2 và Công ty TNHH C1; Tài sản thế chấp là: Nhà văn phòng làm việc, nhà kho, nhà đấu trộn, nhà kho thành phẩm; các công trình đều được xây dựng trên quyền sử dụng đất số X 023211 do UBND tỉnh P cấp ngày 04/6/2003 của Công ty TNHH C1 (diện tích 2.774.5m², thời hạn sử dụng đất là 30 năm (kể từ ngày 01/01/2002), địa chỉ tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2.4.3]. Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.06 ký ngày 17/03/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 08 ngày 07/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P2 và Công ty TNHH C1; Tài sản thế chấp là: Nhà lò sấy, nhà hoàn thành phẩm, Nhà điều hành khu chế xuất và nhà vệ sinh, Nhà học héo, Nhà xưởng chế biến chè, Nhà máy phát điện; các công trình được xây dựng trên diện tích đất 4.144m², thời hạn sử dụng đất là 50 năm, thời hạn thuê từ ngày 28/7/2004, địa chỉ tại thị trấn T, huyện T, Phú Thọ (thuộc tờ bản đồ số 12 + 20);

[2.4.4]. Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/74 ký ngày 05 tháng 02 năm 2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 07/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P2 và Công ty TNHH C1; Tài sản thế chấp gồm: 01 tổ máy phát điện TLPOWER; 01 bộ máy tách căng chè dựa vào màu sắc nhuộm Senvec; 01 máy sàng tách cọng; 02 máy vò chè; 01 (cái) cải tạo công suất TBA; 01 máy vò ngang kiểu Liên Xô; 01 máy tách màu quang học Senvec R8300W; 01 máy sấy chè S60 + lò ống ngang; 01 máy biến áp 3 pha 320KVA-35/04,4KV; 06 máy vò kiểu Liên Xô; 01 máy sấy cả lò; 01 máy sàng toại Liên Xô; 01 máy vò kiểu Liên Xô; 01 lò đun than; 10,5m băng tải lên chè găm; 43,5m băng tải lên chè vò găm; 02 máy sàng toại, 21,7m băng tải lên chè vò; 01 bộ quạt dùng cho chè; 01 hệ thống đường ống cấp gió nóng cho quạt héo tầng 2; 01 lắp đặt nâng cấp máy sấy Liên Xô từ 60m² – 80m²; 01 lắp đặt nâng cấp máy sấy Việt Nam từ 60m² – 80m².

[2.4.5]. Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/83.03 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 07/11/2018 giữa Ngân hàng

TMCP N2 – Chi nhánh P2 và Công ty TNHH C1; Tài sản thế chấp gồm: 01 máy tách màu chè; 01 bộ máy vò ngang kiểu Liên Xô; 03 máy vò Liên Xô; 02 máy tách chè ba tầng; 02 máy tách chè; 01 máy sàng rung; 01 máy sàng vôi; 01 bộ hệ thống hút bụi; 01 chiếc máy rung lắc; 02 máy vò chè có gân và bàn ép tự động; 03 máy vò K/c ngang; 12 quạt hướng trục (40”) (Trong hợp đồng thứ tự số [2.4.4], số [2.4.5] có 02 bộ điều khiển tự động máy vò hiện đã mất; Đối với máy vò kết cấu gang (*máy vò gang kiểu Liên Xô*) chỉ có 02 chiếc).

[2.4.6]. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/BDS/715.01 ký ngày 24/11/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 21/01/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P2 và Ông Đinh Mạnh T2 và Bà Nguyễn Thị N1; Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất (thửa đất số 1250, tờ bản đồ số 07, diện tích 80m², địa chỉ: khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CA 529956** do UBND huyện T cấp ngày 21/09/2015 cho bà Nguyễn Thị N1.

[2.4.7]. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 16/BDS/83.07 ký ngày 24 tháng 03 năm 2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 07/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – chi nhánh P2 và Ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1 gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Minh L2, ông Nguyễn Phi L, cháu Đinh Thị Hoàng Thúy H4, cháu Đinh Quý P – do ông Đinh Xuân V đại diện theo pháp luật); Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 12, diện tích 300m², địa chỉ: khu F, thị trấn T, huyện T, Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BD 647013** do UBND huyện T cấp ngày 11/03/2011 cho Bà Nguyễn Thị C và Ông Nguyễn Minh L1.

[2.4.8]. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 17/MMTB/712.17 ký ngày 17 tháng 10 năm 2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 07/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P2 và Công ty TNHH C1; Tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị gồm: 03 lò cấp nhiệt; 03 máy sàng vôi; 03 máy hút sâu sơ; 05 máy xoa; 16 băng tải lên chè; 02 hệ thống hút bụi.

[2.4.9]. Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.14 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – chi nhánh P2 và ông Trần Chí K, bà Nguyễn Thị Minh L2; Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 191,3m², địa chỉ: khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CK 938055** do UBND huyện T cấp ngày 24/11/2017 cho ông Trần Chí K và bà Nguyễn Thị Minh L2.

[2.4.10]. Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 18/PTVT/257 ký ngày 11/04/2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – chi nhánh P2 và Công ty TNHH C1; Tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu SHACMAN, biển số **19C-132.73**, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027907** do Công an tỉnh P cấp ngày 09/04/2018 cho Công ty TNHH C1.

[2.5]. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N2 về đề nghị duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án đối với Hợp đồng thế chấp số

18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH C1; tài sản thế chấp là 01 hệ thống Máy tách màu chè.

[2.6]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với đề nghị của Ngân hàng về yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp đối với các hợp đồng thế chấp sau:

[2.6.1]. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 16/BDS/83.04 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Văn N và Bà Nguyễn Thị H1; Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AN 085005** do UBND huyện T cấp ngày 27/05/2008 mang tên bà Nguyễn Thị H1.

[2.6.2]. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 19/BDS/704.03 ký ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phi L và Bà Phùng Thị H là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CB 825860** do UBND Huyện T cấp ngày 08/04/2016 cho Bà Phùng Thị H.

[2.6.3]. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 16/BDS/83.09 ký ngày 28 tháng 4 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP N2 – chi nhánh P2 và ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C; Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (Thửa số 114, tờ bản đồ số 12, diện tích là 121m², địa chỉ: khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **Đ 438057** do UBND Huyện T cấp ngày 06/02/2004 cho hộ ông Nguyễn Minh L1 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1 gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Minh L2, ông Nguyễn Phi L, cháu Đình Thị Hoàng Thúy H4, cháu Đình Quý P – do ông Đình Xuân V đại diện theo pháp luật).

[2.6.4]. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 18/BDS/704.13 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng TMCP N2 – chi nhánh P2 và ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1 gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Minh L2, ông Nguyễn Phi L, cháu Đình Thị Hoàng Thúy H4, cháu Đình Quý P – do ông Đình Xuân V đại diện theo pháp luật); Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (Thửa số 71, tờ bản đồ số 12, diện tích là 82,2m², địa chỉ: khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CK 938054** do UBND Huyện T cấp ngày 24/11/2017 cho ông Nguyễn Minh L1, bà Nguyễn Thị C.

Ngân hàng TMCP N2 có quyền khởi kiện lại để đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết đối với yêu cầu đã rút trên.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Minh L1 gồm bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Minh L2, ông Nguyễn Phi L, cháu Đình Thị Hoàng Thúy H4, cháu Đình Quý P (do ông Đình Xuân V đại diện theo pháp luật) có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Minh L1 để lại.

[2.7]. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH C1 phải có nghĩa vụ chịu 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng chẵn) chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ các tài sản thế chấp. Xác nhận Ngân hàng TMCP N2 đã nộp đủ tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Công ty TNHH C1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP N2 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng chẵn) chi phí tố tụng .

Đối với chi phí tố tụng: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Công ty TNHH C1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 134.964.802đ (Một trăm ba mươi tư triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm linh hai đồng chẵn).

Ngân hàng TMCP N2 không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh P2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng chẵn) theo biên lai tạm thu án phí số AA/2019/0002146 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn và bị đơn, bà L2 và ông K (do bà L2 đại diện theo ủy quyền) có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, cháu H4, anh P, ông V (người đại diện theo pháp luật cho anh P) vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- Lưu HS
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
V/v: Hội đồng xét xử**

Hôm nay, ngày tháng năm 2021 Vào hồi giờ phút.
Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Toà án nhân dân huyện Thanh Ba mở phiên toà sơ thẩm để xét xử vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 01/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

+ Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (VCB)**
Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

+ Bị đơn: **Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng**
Địa chỉ: Khu 6, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:

.....

Cùng nhau lập biên bản về việc hoãn phiên tòa với lý do

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản kết thúc hồi giờ phút cùng ngày.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ

Nơi nhận:

- VKSND huyện
- THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Bà Phạm Thị Bích Hương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2020 **giữa:**

+ **Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á (Nam A Bank)**

Địa chỉ trụ sở chính: 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3, thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Huy**, sinh năm: 1985

CMND số: 131410299 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/07/2013.

Địa chỉ thường trú: Khu 5, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Bà Đào Thị Thu Hương, sinh năm: 1986

CMND số: 131396607 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/07/2013.

Địa chỉ thường trú: Khu 5, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, các Điều 35; 147; 173; 227; 228; Khoản 1 Điều 157 BLTTDS;

- Điều 274; Khoản 1 Điều 275; Khoản 1 Điều 351; Điều 468 Bộ luật Dân sự

- Điều 306 Luật thương mại;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTV Quốc hội:

Biểu quyết:

2/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á (Nam A Bank).

Buộc ông Nguyễn Quang Huy, bà Đào Thị Thu Hương phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á (Nam A Bank) 416.800.375 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu, tám trăm ngàn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

(Bao gồm nợ gốc 230.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 83.821.771 đồng; Lãi chậm trả 74.488.587 đồng; Phạt lãi chậm trả 28.490.017 đồng).

Kể từ ngày 29/5/2021 cho đến khi án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Quang Huy, bà Đào Thị Thu Hương tiếp tục phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 0080/2016/808 đã ký kết giữa các bên.

Duy trì Hợp đồng tín dụng số 0080/2016/808 và Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1771.2016/HĐTC, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 09/12/2016 tại Văn phòng Công chứng Phú Thọ. Đăng ký thế chấp ngày 09/12/2016 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ của Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Phú Thọ với ông Nguyễn Quang Huy, bà Đào Thị Thu Hương.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết:

3/ Về án phí và các vấn đề khác:

Về án phí: Ông Nguyễn Quang Huy, bà Đào Thị Thu Hương phải chịu 20.640.000 đồng (hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi ngàn) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Xác nhận chi phí thẩm định tài sản là 10.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp.

Ông Nguyễn Quang Huy, bà Đào Thị Thu Hương phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) chi phí tố tụng.

Ngân hàng TMCP Nam Á không phải chịu án phí, hoàn trả 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm thu án phí số AA/2020/0001529 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Biểu quyết.....

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Vũ

Nơi nhận:

- VKSND huyện
- THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS - VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quang Vũ

Tài sản 13: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 825860 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 08/04/2016 cho Bà Phùng Thị Hương theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 19/BDS/704.03 ký ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phi Long và Bà Phùng Thị Hương .

ĐƠN KHỞI KIỆN

Kính gửi: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA

Người khởi kiện:

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCB)

- Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nghiêm Xuân Thành**
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Chi nhánh thực hiện khởi kiện:

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÚ THỌ

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100112437-130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 04 năm 2018.
- Địa chỉ: Số 1606A, Đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Điện thoại: 0210 3766666 Fax: 0210 3766667
- Người đại diện: Ông **Văn Tiến Thành** Chức vụ: **Giám đốc chi nhánh**

(Theo Giấy ủy quyền số 30/UQ-VCB-PC ngày 01 tháng 03 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam)

Người bị kiện:

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN CHÈ XUẤT KHẨU ĐẠI ĐỒNG

- Địa chỉ: Khu 6, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 02103 885335 Fax:

-
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2600231299 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 09/05/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/12/2015.
 - Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phùng Thị Hương** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT-Giám đốc

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: (Tài sản thế chấp của bên thứ ba)

- **CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN CHÈ XUẤT KHẨU ĐẠI ĐỒNG**

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2600231299 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 09/05/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/12/2015.

- Ông **Nguyễn Phi Long** Sinh ngày: 30/04/1972

+ Chứng minh thư nhân dân số: 131109731 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 08/08/2008

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

- Bà **Phùng Thị Hương** Sinh ngày: 01/01/1973

+ Chứng minh thư nhân dân số: 131539891 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 15/08/2007

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

- Ông: **Nguyễn Văn Nhận** Sinh ngày: 07/01/1964

+ Chứng minh thư nhân dân số: 181523572 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/01/2006

+ Hộ khẩu thường trú tại: Xã Hưng Đông – Thành Phố Vinh – Tỉnh Nghệ An.

- Bà: **Nguyễn Thị Hậu** Sinh ngày: 25/07/1969

+ Chứng minh thư nhân dân số: 130927359 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 04/12/2006

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

- Bà: **Nguyễn Minh Lý** Sinh ngày: 01/06/1944

+ Chứng minh thư nhân dân số: 131020811 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 27/09/2008

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

- Bà: **Nguyễn Thị Chúc** Sinh ngày: 25/07/1969

+ Chứng minh thư nhân dân số: 130843699 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/04/2006

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

- Bà: **Đinh Mạnh Tiến** Sinh ngày: 18/06/1950

+ Chứng minh thư nhân dân số: 130843099 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22/06/2015

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 8 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

- Bà: **Nguyễn Thị Ngọc** Sinh ngày: 11/01/1953

+ Chứng minh thư nhân dân số: 131653587 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 10/10/2004

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 8 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

- Bà: **Trần Chí Kiên** Sinh ngày: 05/06/1968

+ Chứng minh thư nhân dân số: 131012504 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 10/10/2010

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 8 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

- Bà: **Nguyễn Thị Minh Loan**

Sinh ngày: 01/10/1971

+ Chứng minh thư nhân dân số: 131020812 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 11/05/2012

+ Hộ khẩu thường trú tại: Khu 8 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ.

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) thông qua VCB chi nhánh Phú Thọ thực hiện thủ tục khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba (Tòa án) giải quyết những vấn đề dưới đây đối với người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

I. TÓM TẮT VỤ VIỆC:

1. Ngày 06/11/2018, Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng đã ký hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18/DN-ĐB/NHHM704 ngày 06/11/2018 và các hợp đồng sửa đổi khác vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Phú Thọ:

- Giá trị hạn mức được cấp là **25.000.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ đồng)**

- Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng

- Thời gian vay/khế ước là: tối đa 06 tháng/GNN

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

2. Ngày 25/11/2016, Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng đã ký Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 16/DN-ĐB/ĐTDA715 ngày 25/11/2016 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **3.000.000.000 VNĐ (Ba tỷ đồng).**

- Thời gian vay vốn: 60 tháng

- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần

- Mục đích vay vốn: Dự án mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị.

3. Ngày 27/11/2017, Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng đã ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/THTL/840 ngày 27/11/2017 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).**

- Thời gian vay vốn: 60 tháng

- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần

- Mục đích vay vốn: Đầu tư mua 01 Máy tách màu chè.

4. Ngày 11/04/2018, Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng đã ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/THTL/257 ngày 11/04/2018 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Thọ.

- Giá trị khoản vay: **615.000.000 VNĐ (Sáu trăm mười lăm triệu đồng).**

- Thời gian vay vốn: 48 tháng

- Thời gian trả nợ: 06 tháng/lần

- Mục đích vay vốn: Đầu tư mua 01 xe ô tô tải có mui.

5. Toàn bộ khoản vay của bị đơn được bảo đảm bằng các tài sản như sau:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 085005 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 27/05/2008 cho Bà Nguyễn Thị Hậu tại : Khu 6 – Thị Trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú

Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.04 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Văn Nhận và Bà Nguyễn Thị Hậu và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 438057 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 06/02/2004 cho Hộ Ông Nguyễn Minh Lý tại : Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.09 ký ngày 28 tháng 04 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 735861 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 29/11/2010 cho Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc tại : Khu 5 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.05 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 4: Tài sản trên đất của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 023211 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 04/06/2003 cho Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 00017 QSDĐ/. Bao gồm: Nhà văn phòng làm việc, Nhà kho, Nhà đấu trộn, Nhà kho thành phẩm theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/314 ký ngày 19/07/2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 5: Tài sản trên đất của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng tại tờ bản đồ số 12 +20, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ. Bao gồm: Nhà lò sấy, nhà hoàn thành phẩm, Nhà điều hành khu chế xuất và nhà vệ sinh, Nhà học héo, Nhà xưởng chế biến chè, Nhà máy phát điện. (theo giấy chứng nhận QSD đất số X 023398, BD 858539, AA 071993) theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.06 ký ngày 17/03/2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 6: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/74 ký ngày 05 tháng 02 năm 2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 7: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/83.03 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 8: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 529956 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 21/09/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc tại Khu 2 – xã Hoàng Cương – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/715.01 ký ngày 24/11/2016 giữa Ngân hàng và Ông Đình Mạnh Tiến và Bà Nguyễn Thị Ngọc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 9: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 647013 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 11/03/2011 cho Bà Nguyễn Thị Chúc và Ông Nguyễn Minh Lý tại : Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.07 ký ngày 24 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 10: Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 17/MMTB/712.17 ký ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 11: Máy tách màu chè theo Hợp đồng thế chấp số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 12: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 938055 do UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 24/11/2017 cho ông Trần Chí Kiên và bà Nguyễn Thị Minh Loan theo Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.14 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và ông Trần Chí Kiên và Bà Nguyễn Thị Minh Loan và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 13: 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu SHACMAN, biển số **19C-132.73**, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027907** do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 09/04/2018 cho Công ty TNHH Chế biến chè xuất khẩu Đại Đồng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 18/PTVT/257 ký ngày 11/04/2018 Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 14: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 938054 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 24/11/2017 cho ông Nguyễn Minh Lý và bà Nguyễn Thị Chúc theo Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.13 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 15: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 825860 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 08/04/2016 cho Bà Phùng Thị Hương theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 19/BDS/704.03 ký ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phi Long và Bà Phùng Thị Hương và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

6. Tình hình quan hệ tín dụng tại Ngân hàng tính đến ngày 08/05/2020, cụ thể như sau:

Tổng số nợ là: **27.940.398.571 VNĐ** (Trong đó nợ gốc là **25.920.339.369 VNĐ**, nợ lãi là **1.565.974.347 VNĐ** và lãi phạt quá hạn là **454.084.855 VNĐ**)

- Nhóm nợ: 5

- Ngày bắt đầu quá hạn: 27/09/2019

7. Quá trình thương lượng giải quyết:

➤ Công ty TNHH Chế biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng hoạt động trong lĩnh vực

sản xuất, chế biến chè xanh, chè đen thành phẩm. Do thiếu hụt vốn kinh doanh công ty đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ. Năm 2019, hoạt động kinh doanh của công ty gặp khó khăn. Khoản vay của công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ đã quá hạn từ tháng 09/2019. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và yêu cầu công ty khẩn trương trả nợ ngân hàng tuy nhiên đến nay công ty vẫn không thanh toán bất cứ khoản nợ gốc, nợ lãi nào cho ngân hàng.

➤ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN Phú Thọ đã thông báo và làm việc với Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng nhiều lần về việc vi phạm trên:

- Thông báo nhắc nợ ngày 04/10/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.
- Thông báo nhắc nợ ngày 10/10/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.
- Thông báo nhắc nợ ngày 24/10/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.
- Biên bản làm việc ngày 25/10/2019.

II. YÊU CẦU KHỞI KIẾN

Căn cứ các nội dung nêu trên, VCB thông qua VCB chi nhánh Phú Thọ yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

1. Buộc Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng phải hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ toàn bộ số tiền gốc còn nợ cùng số tiền lãi quá hạn, phí theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 08/05/2020 (do tiền lãi vẫn đang tiếp tục phát sinh) là: **27.940.398.571 VNĐ** (Trong đó nợ gốc là **25.920.339.369 VNĐ**, nợ lãi là **1.565.974.347 VNĐ** và lãi phạt quá hạn là **454.084.855 VNĐ**)

2. Buộc Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh (kể cả lãi phạt chậm thi hành án theo lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thi hành xong bản án, thu hồi nợ gốc và lãi.

3. Duy trì Hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo của các Hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.04 ký ngày 08/03/2016; Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.09 ký ngày 28/04/2016; Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.05 ký ngày 08/03/2016; Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/314 ký ngày 19/07/2016; Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.06 ký ngày 17/03/2016; Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/74 ký ngày 05/02/2016; Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/83.03 ký ngày 22/02/2016; Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/715.01 ký ngày 24/11/2016; Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.07 ký ngày 24/03/2016; Hợp đồng thế chấp số 17/MMTB/712.17 ký ngày 17/10/2017; Hợp đồng thế chấp số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06/11/2018; Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.14 ký ngày 06/11/2018; Hợp đồng thế chấp số 18/PTVT/257 ký ngày 11/04/2018; Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.13 ký ngày 06/11/2018; Hợp đồng thế chấp số 19/BDS/704.03 ký ngày 23/10/2019. Nếu Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên trong các hợp đồng tín dụng nêu trên thì đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên xử

lý các tài sản theo quy định gồm có:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 085005 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 27/05/2008 cho Bà Nguyễn Thị Hậu tại : Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.04 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Văn Nhận và Bà Nguyễn Thị Hậu và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 438057 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 06/02/2004 cho Hộ Ông Nguyễn Minh Lý tại : Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.09 ký ngày 28 tháng 04 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 735861 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 29/11/2010 cho Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc tại : Khu 5 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.05 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 4: Tài sản trên đất của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 023211 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 04/06/2003 cho Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC 00017 QSDĐ/. Bao gồm: Nhà văn phòng làm việc, Nhà kho, Nhà đầu trộn, Nhà kho thành phẩm theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/314 ký ngày 19/07/2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 5: Tài sản trên đất của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng tại tờ bản đồ số 12 +20, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ. Bao gồm: Nhà lò sấy, nhà hoàn thành phẩm, Nhà điều hành khu chế xuất và nhà vệ sinh, Nhà học héo, Nhà xưởng chế biến chè, Nhà máy phát điện. (theo giấy chứng nhận QSD đất số X 023398, BD 858539, AA 071993) theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.06 ký ngày 17/03/2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 6: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/74 ký ngày 05 tháng 02 năm 2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 7: Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/83.03 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 8: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 529956 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 21/09/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc tại **Khu**

2 – xã Hoàng Cương – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/715.01 ký ngày 24/11/2016 giữa Ngân hàng và Ông Đinh Mạnh Tiến và Bà Nguyễn Thị Ngọc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 9: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 647013 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 11/03/2011 cho Bà Nguyễn Thị Chúc và Ông Nguyễn Minh Lý tại : Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.07 ký ngày 24 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 10: Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 17/MMTB/712.17 ký ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 11: Máy tách màu chè theo Hợp đồng thế chấp số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 12: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 938055 do UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 24/11/2017 cho ông Trần Chí Kiên và bà Nguyễn Thị Minh Loan theo Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.14 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và ông Trần Chí Kiên và Bà Nguyễn Thị Minh Loan và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 13: 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu SHACMAN, biển số **19C-132.73**, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số **027907** do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 09/04/2018 cho Công ty TNHH Chế biến chè xuất khẩu Đại Đồng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 18/PTVT/257 ký ngày 11/04/2018 Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 14: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 938054 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 24/11/2017 cho ông Nguyễn Minh Lý và bà Nguyễn Thị Chúc theo Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.13 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Tài sản 15: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 825860 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 08/04/2016 cho Bà Phùng Thị Hương theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 19/BDS/704.03 ký ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phi Long và Bà Phùng Thị Hương và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

là tài sản thế chấp đã đảm bảo cho nghĩa vụ nợ của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng để trả tiền cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.

Ngoài việc xử lý tài sản bảo đảm, Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu

Đại Đồng có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ tiền vay, các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng. Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm chưa đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án các tài sản khác của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và tài sản của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ.

III. TÀI LIỆU CHỨNG TỪ

Các tài liệu, chứng từ để chứng minh các yêu cầu nêu trên của VCB là có căn cứ và hợp pháp theo “Danh mục tài liệu, chứng từ” kèm theo đơn khởi kiện này.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trong quá trình giải quyết vụ việc, mọi thông tin liên hệ để cấp, tổng đạt, thông báo về các văn bản tố tụng, VCB đề nghị Tòa án liên hệ và/hoặc gửi về:

DANH MỤC TÀI LIỆU, CHỨNG TỪ

(Kèm theo đơn khởi kiện số:/VCB.PHT – PKH ngày / /2020 của VCB chi nhánh Phú Thọ)

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh Phú Thọ (bản sao có chứng thực)
- 01 Giấy ủy quyền số 30/UQ-VCB-PC ngày 01 tháng 03 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam của ông Nghiêm Xuân Thành ủy quyền cho Ông Văn Tiến Thành – Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh Phú Thọ (bản sao).

1. Hồ sơ vay vốn.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18/DN-ĐB/NHHM704 ngày 06/11/2018 (bản sao), Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 16/DN-ĐB/ĐTDA715 ngày 25/11/2016 (bản sao), Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 17/THTL/840 ngày 27/11/2017 (bản sao), Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 18/THTL/257 ngày 11/04/2018 (bản sao) và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo (bản sao). Giấy đề nghị vay vốn của khách hàng (bản sao). Giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, chứng minh thư giám đốc doanh nghiệp, Biên bản họp HĐQT về việc vay vốn của doanh nghiệp, các Giấy nhận nợ của Công ty.

2. Tài sản

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 085005 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 27/05/2008 cho Bà Nguyễn Thị Hậu tại : Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ; 01 bản sao Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.04 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Văn Nhận và Bà Nguyễn Thị Hậu và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.06 ngày 07/11/2018.
- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 438057 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 06/02/2004 cho Hộ Ông Nguyễn Minh Lý tại : Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.09 ký ngày 28 tháng 04 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.07

ngày 07/11/2018; 01 bản sao hợp đồng ủy quyền ngày 28/04/2016.

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 735861 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 29/11/2010 cho Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc tại : Khu 5 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.05 ký ngày 08 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.04 ngày 07/11/2018.

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 023211 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 04/06/2003 cho Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/314 ký ngày 19/07/2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.02 ngày 07/11/2018

- 01 bản sao giấy chứng nhận QSD đất số X 023398, BD 858539, AA 071993 theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/83.06 ký ngày 17/03/2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.01 ngày 07/11/2018

- 01 bản sao hóa đơn_Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/74 ký ngày 05 tháng 02 năm 2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.14 ngày 07/11/2018.

- 01 bản sao hóa đơn_Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 16/MMTB/83.03 ký ngày 22 tháng 02 năm 2016 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm; 01 bản sao Biên bản định giá số 17/BBĐG/712.13 ngày 07/11/2018.

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 529956 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 21/09/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc tại Khu 2 – xã Hoàng Cương – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số 16/BDS/715.01 ký ngày 24/11/2016 giữa Ngân hàng và Ông Đinh Mạnh Tiến và Bà Nguyễn Thị Ngọc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.12 ngày 07/11/2018.

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 647013 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 11/03/2011 cho Bà Nguyễn Thị Chúc và Ông Nguyễn Minh Lý tại : Khu 6 – Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba – Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp số

16/BDS/83.07 ký ngày 24 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao đơn yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.05 ngày 07/11/2018.

- 01 bản sao hóa đơn_Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 17/MMTB/712.17 ký ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.15 ngày 07/11/2018.

- 01 bản sao hóa đơn_Máy tách màu chè theo Hợp đồng thế chấp số 18/MMTB/704.16 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.16 ngày 07/11/2018.

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 938055 do UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 24/11/2017 cho ông Trần Chí Kiên và bà Nguyễn Thị Minh Loan theo Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.14 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và ông Trần Chí Kiên và Bà Nguyễn Thị Minh Loan và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.14 ngày 06/11/2018.

- 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027907 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 09/04/2018 cho Công ty TNHH Chế biến chè xuất khẩu Đại Đồng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 18/PTVT/257 ký ngày 11/04/2018 Ngân hàng và Công ty TNHH Chế Biến Chè Xuất Khẩu Đại Đồng và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/257 ngày 11/04/2018.

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 938054 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 24/11/2017 cho ông Nguyễn Minh Lý và bà Nguyễn Thị Chúc theo Hợp đồng thế chấp số 18/BDS/704.13 ký ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh Lý và Bà Nguyễn Thị Chúc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao Biên bản định giá số 18/BBĐG/704.13 ngày 06/11/2018.

- 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 825860 do UBND Huyện Thanh Ba cấp ngày 08/04/2016 cho Bà Phùng Thị Hương theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 19/BDS/704.03 ký ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phi Long và Bà Phùng Thị Hương và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo; 01 bản sao Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; 01 bản sao Biên bản định giá số 19/BBĐG/704.03 ngày 23/10/2019.

3. Thông báo nhắc nợ, biên bản làm việc:

- Thông báo nhắc nợ ngày 04/10/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.
- Thông báo nhắc nợ ngày 10/10/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.
- Thông báo nhắc nợ ngày 24/10/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.
- Biên bản làm việc ngày 25/10/2019.